

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày: 15-12-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: tháp B, số 194 Trần Quang K, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977; nơi cư trú: số 73, đường 23, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 6 năm 2023), vắng mặt.

2. Ông Bùi Tá Anh H, sinh năm 1983; nơi cư trú: 31/8/4, đường 17, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 6 năm 2023), có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964; nơi thường trú: đường L, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2023, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ vay vốn tại Ngân hàng T 02 khoản vay, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD ngày 08 tháng 12 năm 2020. Ngân hàng T cho ông Đ vay số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền nhận chuyển nhượng đất ở. Thời hạn vay là 240 tháng. Lãi suất trong hạn là 11%/năm (được áp dụng tới ngày 31/12/2020) sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Định kỳ điều chỉnh vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hằng năm. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có). Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngoài ra còn các thỏa thuận về phí như: phí trả nợ trước hạn, phí cam kết rút vốn, phí khác và phạt vi phạm, biện pháp bảo đảm, luật áp dụng, hiệu lực của hợp đồng. Về lịch trả nợ gốc/lãi: Trả trong 240 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả đầu tiên là ngày 25/01/2021, ngày trả cuối cùng là tháng 12/2040. Lãi vay được trả cùng kỳ với trả nợ gốc bằng phương thức trích nợ tài khoản số 651.10.00.2404737 của ông Nguyễn Văn Đ mở tại Ngân hàng T và các tài khoản khác thuộc sở hữu của ông Đ mở tại Ngân hàng T. Ngày 09 tháng 12 năm 2020, ông Đ rút số tiền vay 2.000.000.000 đồng theo bảng kê rút vốn đề ngày 09 tháng 12 năm 2020.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, Ngân hàng T và ông Nguyễn Văn Đ thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD ngày 08 tháng 12 năm 2020 bằng Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD-PL1, theo đó thỏa thuận sửa đổi về lịch trả nợ gốc, lịch trả nợ lãi.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã thanh toán được 10 kỳ, tổng số tiền là 83.300.000 đồng, còn nợ gốc là 1.916.700.000 đồng, nợ lãi là 285.577.509 đồng và lãi quá hạn phát sinh là 1.324.470 đồng.

Theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0167/2021/12228117/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2021. Ngân hàng T cho ông Đ vay theo hạn mức thấu chi số tiền tối đa là 1.000.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt gia đình. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, kể từ ngày kí hợp đồng. Lãi suất thấu chi là 11%/năm, điều chỉnh theo chính sách của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngoài ra, còn các thỏa thuận về phạt vi phạm, biện pháp bảo đảm, luật áp dụng, hiệu lực của hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã nộp đủ thấu chi số tiền 1.000.000.000 đồng, số tiền lãi ông Đ còn nợ tạm tính tới ngày 28 tháng 02 năm 2023 là 31.646.358 đồng, trong đó: dư nợ lãi là 17.569.744 đồng, lãi phạt quá hạn phát sinh là 14.076.614 đồng.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S554182, số vào sổ cấp GCN: Quyền sử dụng đất 1151, số 01313 QSDĐ/QĐ-UB do UBND huyện B1 nay là huyện B cấp ngày 03/06/2002 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019. Ngày 03 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng T và ông Đ thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 bằng Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ-PL01.

Kể từ khi các khoản vay bắt đầu phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng T đã nhiều lần liên hệ bằng điện thoại, gửi văn bản yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Đ vẫn không thực hiện đúng, đầy đủ theo các thỏa thuận, cam kết giữa các bên, cụ thể: ngày 01 tháng 11 năm 2022, Ngân hàng T thông báo cho ông Đ về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tổng số tiền quá hạn là 2.157.811.310 đồng, nợ nhóm 4. Ngày 02 tháng 11 năm 2022, Ngân hàng T có biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay, đề nghị ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Đ kí cam kết nhưng cho đến nay ông Đ vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng T.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T:

- Toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt, phí theo Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD ký ngày 08/12/2020 số tiền tạm tính tới ngày 28/02/2023 là 2.203.601.979 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.916.700.000 đồng, nợ lãi là 285.577.509 đồng và lãi quá hạn phát sinh là 1.324.470 đồng.

- Toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt, phí theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0145/2019/12228117/HĐTD ký ngày 27/03/2019 số tiền tạm tính tới ngày 28/02/2023 là 31.646.358 đồng, trong đó: dư nợ lãi là 17.569.744 đồng, lãi phạt quá hạn phát sinh là 14.076.614 đồng.

- Toàn bộ dư nợ lãi, lãi phạt, phí phát sinh cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng T.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng T được quyền chủ động hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S554182, số vào sổ cấp GCN: 1151, số 01313 QSDĐ/QĐ-UB do UBND huyện B1 nay là huyện B cấp ngày 03/6/2002 để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn Đ đối với Ngân hàng T.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Đ không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng T và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01 tháng 11 năm 2023: Phần đất ông Đ thế chấp cho Ngân hàng T trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và cao su do ông Đ đang quản lý, sử dụng, khai thác, ngoài ra không còn tài sản nào khác, thuộc các thửa 6, 7 tờ bản đồ số 44, tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S554182, số vào sổ cấp GCN: 1151, số 01313 QSDĐ/QĐ-UB do UBND huyện B1 nay là huyện B cấp ngày 03/6/2002 cho (hộ) ông Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bổ sung lời trình bày như sau:

Tính đến ngày 14 tháng 12 năm 2023, khoản vay thanh toán tiền nhận chuyển nhượng đất ở số tiền vay 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng theo hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD ngày 08 tháng 12 năm 2020, tổng dư nợ phải thanh toán của khoản vay này là 2.403.684.769 đồng, trong đó: dư nợ gốc là 1.916.700.000 đồng, dư nợ lãi là 462.733.101 đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 12.079.405 đồng, lãi phạt quá hạn lãi 12.172.263 đồng.

Tính đến ngày 14 tháng 12 năm 2023, khoản vay tiêu dùng dưới hình thức cấp hạn mức thấu chi số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0167/2021/12228117/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2021, tổng dư nợ phải thanh toán của khoản vay này là 32.151.828 đồng, trong đó: dư nợ lãi là 17.569.744 đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 14.076.614 đồng, lãi phạt quá hạn lãi là 505.470 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải, triệu tập nguyên đơn, bị đơn.

+ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng T khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông Đ có

địa chỉ tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo quy định Điều 68 của BLTTDS.

+ Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS.

+ Về trình tự thụ lý thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195 của BLTTDS, thông báo thụ lý cho đương sự và viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 của BLTTDS.

+ Việc chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 220 của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Nguyên đơn trình bày: Ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa ông Nguyễn Văn Đ và Ngân hàng T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD mục đích vay thanh toán tiền nhận chuyển nhượng đất ở số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 240 tháng. Lãi suất trong hạn 11% (áp dụng đến ngày 31/12/2020), sau đó điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của bên vay: theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S554182, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 1151, số 01313 do UBND huyện B cấp ngày 03 tháng 6 năm 2002 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ ngày 09/4/2019, số công chứng 3376, quyền số 04 TP/CC – SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng P, tỉnh Bình Dương và văn bản sửa đổi bổ sung HĐ thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ-PL01 theo số công chứng 11128, quyền số: 12 TP/CC-SCC/HĐGD. Cụ thể như sau: Thửa đất số 6,7 tờ bản đồ số 44, diện tích 14831m², trong đó: đất ở tại nông thôn 300m², không có tài sản gắn liền với đất,

tại xã L, huyện B1 (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân huyện B1 (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1151 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01313) ngày 03 tháng 06 năm 2002 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ.

Tính đến thời điểm ngày 14/12/2023, tổng dư nợ phải thanh toán của khoản vay này là 2.403.684.769 đồng, trong đó: dư nợ gốc là 1.916.700.000 đồng, dư nợ lãi là 462.733.101 đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 12.079.405 đồng, lãi phạt quá hạn lãi là 12.172.263 đồng.

Khoản vay tiêu dùng dưới hình thức cấp hạn mức thấu chi số tiền vay 1.000.000.000 đồng căn cứ Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0167/2021/12228117/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2021. Tính đến thời điểm ngày 14 tháng 12 năm 2023, tổng dư nợ phải thanh toán của khoản vay này là 32.151.828 đồng, trong đó: dư nợ lãi là 17.569.744 đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 14.076.614 đồng, lãi phạt quá hạn lãi là 505.470 đồng.

Đến thời điểm hiện tại, Bên vay không thanh toán như đã cam kết dẫn đến khoản nợ bị quá hạn và chuyển thành nợ xấu.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức trả gốc và lãi vay, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất, được ký kết do các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với các Điều 90, Điều 91, khoản 4 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng, phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng xác định có sự việc vay vốn xảy ra. Vì ông Đ đã vi phạm hợp đồng tín dụng, cụ thể vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay nên Ngân hàng có quyền xử lý nợ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Thời hạn vay theo hợp đồng trên là 240 tháng, tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ chỉ thanh toán tiền vay, tiền lãi đến ngày 09 tháng 9 năm 2022. Kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2022 đến nay ông Đ không thanh toán cho Ngân hàng T nên đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD. Như vậy, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 1.916.700.000 đồng và nợ lãi. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp về số nợ gốc trên là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi: Khi ký kết hợp đồng, các bên thỏa thuận lãi suất là 11%/năm đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi 462.733.101 đồng, tiền lãi phạt quá hạn gốc: 12.079.405 đồng, lãi phạt quá hạn lãi: 12.172.263 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0082/2019/12228117/HĐBĐ ngày 09/4/2019, số công chứng 3376, quyền số 04 TP/CC – SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng P, tỉnh Bình Dương và văn bản sửa đổi bổ sung HĐ thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ-PL01 theo số công chứng 11128, quyền số: 12 TP/CC-SCC/HĐGD xác định tài sản thế chấp là thửa đất số 6,7 tờ bản đồ số 44, diện tích 14831m², trong đó: đất ở tại nông thôn 300m², tại xã L, huyện B1 (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân huyện B1 (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1151 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01313) ngày 03 tháng 06 năm 2002 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ. Hai bên thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp về tài sản thế chấp nhằm bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý tài sản thế chấp và các khoản chi phí khác từ Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117 ngày 08/12/2020. Việc thế chấp tài sản có hiệu lực từ khi ký kết hợp đồng đến khi ông Đ thực hiện xong tất cả nghĩa vụ được đảm bảo theo quy định tại Điều 4 trong hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp đã được giải chấp, xóa đăng ký giao dịch đảm bảo bằng văn bản hoặc bên nhận thế chấp có văn bản giải trừ tài sản thế chấp. Xét thấy, hợp đồng thế chấp giữa ông Nguyễn Văn Đ với Ngân hàng T đã được Phòng công chứng P, tỉnh Bình Dương công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B là phù hợp với quy định tại các Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Điều 130 của Luật đất đai năm 2003, điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Từ các phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng T khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là

tranh chấp về hợp đồng hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại đường L, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: bị đơn ông Nguyễn Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng: Ông Nguyễn Văn Đ vay vốn tại Ngân hàng T 02 khoản vay, như sau:

[2.1.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD ngày 08 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng T cho ông Đ vay số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền nhận chuyển nhượng đất ở. Thời hạn vay là 240 tháng. Lãi suất trong hạn là 11%/năm (được áp dụng tới ngày 31/12/2020) sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Định kỳ điều chỉnh vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hằng năm. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có). Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngoài ra, còn các thỏa thuận về phí như: phí trả nợ trước hạn, phí cam kết rút vốn, phí khác và phạt vi phạm, biện pháp bảo đảm, luật áp dụng, hiệu lực của hợp đồng. Về lịch trả nợ gốc/lãi: trả trong 240 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả đầu tiên là ngày 25/01/2021, ngày trả cuối cùng là tháng 12/2040. Lãi vay được trả cùng kỳ với trả nợ gốc bằng phương thức trích nợ tài khoản số 651.10.00.2404737 của ông Nguyễn Văn Đ mở tại Ngân hàng T và các tài khoản khác thuộc sở hữu của ông Đ mở tại Ngân hàng T. Ngày 09 tháng 12 năm 2020, ông Đ rút số tiền vay 2.000.000.000 đồng theo bảng kê rút vốn đề ngày 09 tháng 12 năm 2020. Ngày 27 tháng 9 năm 2021, Ngân hàng T và ông Nguyễn Văn Đ thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD ngày 08 tháng 12 năm 2020 bằng Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD-PL1, theo đó thỏa thuận sửa đổi về lịch trả nợ gốc, lịch trả nợ lãi. Tính đến ngày 14 tháng 12 năm 2023, ông Đ đã thanh toán được 10 kỳ, tổng số tiền là 83.300.000 đồng, ông Đ còn nợ gốc là 1.916.700.000 đồng, dư nợ lãi là 462.733.101 đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 12.079.405 đồng, lãi phạt quá hạn lãi 12.172.263 đồng

[2.1.2] Theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0167/2021/12228117/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2021, Ngân hàng T cho ông Đ vay theo hạn mức thấu chi số tiền tối đa là 1.000.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt gia đình. Thời hạn

duy trì hạn mức là 12 tháng, kể từ ngày kí hợp đồng. Lãi suất thấu chi là 11%/năm, điều chỉnh theo chính sách của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngoài ra, còn các thỏa thuận về phạt vi phạm, biện pháp bảo đảm, luật áp dụng, hiệu lực của hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã nộp đủ thấu chi, tính đến ngày 14 tháng 12 năm 2023, số tiền lãi ông Đ còn phải thanh toán là 32.151.828 đồng, trong đó: dư nợ lãi là 17.569.744 đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 14.076.614 đồng.

Ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi cho Ngân hàng T kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2022. Ngày 01 tháng 11 năm 2022, Ngân hàng T thông báo cho ông Đ về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tổng số tiền quá hạn là 2.157.811.310 đồng, nợ nhóm 4. Ngày 02 tháng 11 năm 2022, Ngân hàng T có biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay, đề nghị ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Đ có cam kết và kí tên nhưng cho đến nay ông Đ vẫn không thanh toán cho Ngân hàng T.

[2.1.3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng T đưa ra. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.4] Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, nội dung thỏa thuận rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức trả gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ quy định về phạm vi hoạt động, lãi suất, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[2.1.5] Ông Nguyễn Văn Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Tại phiên tòa, Ngân hàng T yêu cầu ông Đ thanh toán các khoản vay, tiền lãi, lãi phạt quá hạn gốc, phạt quá hạn lãi tính đến hết ngày 14 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau: theo Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD ngày 08 tháng 12 năm 2020, tổng dư nợ phải là 2.403.684.769 đồng (trong đó: dư nợ gốc là 1.916.700.000 đồng, dư nợ lãi: là 462.733.101 đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 12.079.405 đồng, lãi phạt quá hạn lãi: 12.172.263 đồng) và thanh toán khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0167/2021/12228117/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2021 là 32.151.828 đồng (trong đó: dư nợ lãi: 17.569.744 đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 14.076.614 đồng, lãi phạt quá hạn lãi là 505.470 đồng). Tổng số tiền yêu cầu của cả 02 khoản vay là: 2.435.836.597 (hai tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi bảy) đồng

(trong đó: dư nợ gốc là 1.916.700.000 đồng, dư nợ lãi là 480.302.845 đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 26.156.019 đồng, lãi phạt quá hạn lãi là 12.677.733 đồng), là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.1.6] Ngân hàng T yêu cầu ông Đ trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD ngày 08 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0167/2021/12228117/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2021, kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng T là phù hợp nội dung *“...kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”* quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản:

[2.2.1] Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán gồm có quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S554182, số vào sổ cấp GCN: Quyền sử dụng đất 1151, số 01313 QSDĐ/QĐ-UB do UBND huyện B1 nay là huyện B cấp ngày 03/06/2002 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019. Ngày 03 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng T và ông Đ thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 bằng Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ-PL01.

[2.2.2] Hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ-PL01 ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Văn Đ được Công chứng tại Văn phòng Công chứng P, tỉnh Bình Dương. Thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp được quy định tại Điều 9 hợp đồng.

[2.2.3] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01 tháng 11 năm 2023, thể hiện: Phần đất ông Đ thế chấp cho Ngân hàng T trên đất có 01 căn nhà cấp 4, cao su do ông Đ đang quản lý, sử dụng, khai thác ngoài cao su không có tài sản nào khác, thuộc các thửa 6, 7 tờ bản đồ số 44, tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S554182, số vào sổ cấp GCN: 1151, số 01313 QSDĐ/QĐ-UB do UBND huyện B1 nay là huyện B

cấp ngày 03/6/2002 cho (hộ) ông Nguyễn Văn Đ. Như vậy, ông Đ đã thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho là phù hợp theo quy định tại các Điều 299, 301, 317, 318, 319, 320 của Bộ luật Dân sự.

[2.2.4] Việc thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng, được đăng ký thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các Điều 295, 298 của Bộ luật Dân sự; các Điều 9, 10 và 12 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; các Điều 3, 28 và 47 của Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về Đăng ký giao dịch bảo đảm.

[2.4.5] Căn cứ Điều 9 của Hợp đồng thế chấp tài sản, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm, nếu ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc các thửa 6, 7 tờ bản đồ số 44, tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S554182, số vào sổ cấp GCN: 1151, số 01313 QSDD/QĐ-UB do UBND huyện B1 nay là huyện B cấp ngày 03/6/2002 cho (hộ) ông Nguyễn Văn Đ để thanh toán nợ cho Ngân hàng T.

Từ các phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 5.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Đ phải nộp 5.000.000 đồng để hoàn lại cho Ngân hàng T theo quy định tại Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, các điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 232, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 295, 298, 299, 301, 318, 319, 32, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền là 2.435.836.597 (hai tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi bảy) đồng [trong đó: dư nợ gốc là 1.916.700.000 (một tỷ chín trăm mười sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng, dư nợ lãi là 480.302.845 (bốn trăm tám mươi triệu ba trăm lẻ hai nghìn tám trăm bốn mươi lăm) đồng, lãi phạt quá hạn gốc là 26.156.019 (hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi sáu nghìn không trăm mười chín) đồng, lãi phạt quá hạn lãi là 12.677.733 (mười hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi ba) đồng].

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng T khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0830/2020/12228117/HĐTD ngày 08 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0167/2021/12228117/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0082/2019/12228117/HĐBĐ-PL01 ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Văn Đ được Công chứng tại Văn phòng Công chứng P, tỉnh Bình Dương.

2. Về chi phí tố tụng:

Ngân hàng T không phải chịu chi phí tố tụng.

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí tố tụng. Buộc ông Đ nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí tố tụng để trả lại cho Ngân hàng T.

3. Về án phí:

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng T 38.036.019 (ba mươi tám triệu không trăm ba mươi sáu nghìn không trăm mười chín) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0010334 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 80.716.731 (tám mươi triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết